

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 26-5-2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Vỹ và ông Huỳnh Văn Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (Số 60 Nguyễn Huệ - thành phố Huế) mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 320/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: số 57, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn Đ – Nhân viên Ngân hàng T; địa chỉ: số 271 đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 128/2021/UQ- TPB.RB ngày 30/7/2021); có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A; địa chỉ: Số 305 đường N, phường T, thành phố H; Ông T có mặt, bà Trâm A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng T) trình bày:

Ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A vay vốn tại Ngân hàng T theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1308/2019/HDTD ngày

05/8/2019 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 30/10/2019 với nội dung sau:

Khoản vay 1: Hợp đồng cho vay kiêm thẻ chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019. Số tiền vay: 339.900.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 26/10/2019 đến ngày 25/10/2026; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay mua xe ô tô tiêu dùng và thanh toán phí bảo hiểm An tâm tín dụng. Lãi suất trong hạn:

- + Lãi suất áp dụng kể từ ngày 25/10/2019 cho đến ngày 25/10/2020 là 8,5%/ năm.

- + Lãi suất áp dụng cho thời hạn tiếp theo đến ngày 25/10/2026: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,95 %/năm.

- + Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của khách hàng chuyển nợ quá hạn.

- + Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại hợp đồng này.

Khoản vay 2: Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1308/2019/HDTD ngày 05/8/2019. Hạn mức vay: 50.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/8/2020; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn:

- + Lãi suất linh hoạt: bằng lãi suất tiết kiệm 12 M*(+) biên độ: 6%/ năm.

- + Kỳ điều chỉnh lãi suất: Thả nổi.

- + Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Khoản vay 3: Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 30/10/2019. Hạn mức sử dụng thẻ: 15.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, màu trắng, số khung: RNYAB41M5KC167323, số máy: G4CK1099337, BKS số: 43A-500.11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083058 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Trần Ngọc T ngày 21/10/2019. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2019, số đơn 1346874425, đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 30/10/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 26/5/2022, ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A còn nợ Ngân hàng T số tiền là:

- Khoản nợ mua xe ô tô: 239.088.673 đồng; Trong đó nợ gốc: 229.222.707đ, nợ lãi trong hạn: 9.684.693đ, lãi quá hạn: 181.273đ.
 - Khoản nợ thấu chi: 60.469.396 đồng.
- Tổng cộng: 299.558.069 đồng.

Yêu cầu ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Yêu cầu Tòa án cho tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay cho đến ngày ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A không trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, màu trắng, số khung: RNYAB41M5KC167323, số máy: G4CK1099337, BKS số: 43A-500.11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083058 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Trần Ngọc T ngày 21/10/2019. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2019, số đơn 1346874425, đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để thu hồi nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/2/2021; biên bản hòa giải ngày 15/2/2022, biên bản lấy lời khai ngày 15/2/2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Ngọc T trình bày: Vợ chồng ông có vay vốn tại Ngân hàng T theo các hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019 vay số tiền 339.900.000 đồng thời hạn vay 84 tháng. Mục đích vay là mua xe ô tô. Tài sản để đảm bảo khoản vay trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, màu trắng, số khung: RNYAB41M5KC167323, số máy: G4CK1099337, BKS số: 43A-500.11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083058 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Trần Ngọc T ngày 21/10/2019. Hiện tại vợ chồng ông T vẫn đang sử dụng xe trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà A gặp khó khăn kinh tế nên không tiếp tục trả nợ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng T yêu cầu ông T, bà A phải trả số nợ tính đến ngày 26/5/2022 với tổng số tiền nợ gốc là: 299.558.069 đồng thì ông T không có ý kiến gì tuy nhiên hiện tại ông T, bà A không có khả năng trả nợ một lần nên xin được trả số tiền khoảng 23.000.000đ tiền vay xe và toàn bộ khoản nợ thấu chi, sau đó sẽ trả dần hàng tháng theo định kỳ.

Bị đơn bà Lê Thị Trâm A đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đại diện nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Bị đơn-bà Lê Thị Trâm A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị xử vắng mặt.

Về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 30/10/2019.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử 299.558.069 đồng.

Buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải thanh toán số tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/5/2022 đến khi thanh toán khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A không trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SULTANA, màu trắng, số khung: RNYAB41M5KC167323, số máy: G4CK1099337, BKS số: 43A-500.11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083058 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Trần Ngọc T ngày 21/10/2019 để thu hồi nợ.

Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn chịu chi phí thẩm định.

Về án phí: Buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải nộp toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn - Lê Thị Trâm A vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 30/10/2019 nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nguyên đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào theo hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1308/2019/HDTD ngày 05/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên trên, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1308/2019/HDTD ngày 05/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A là một giao dịch dân sự hợp pháp, các thỏa thuận trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Ông Trần Ngọc T

và bà Lê Thị Trâm A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử 26/5/2022 là 299.558.069 đồng; Trong đó:

- Khoản nợ mua xe ô tô: 239.088.673 đồng; Trong đó nợ gốc: 229.222.707đ, nợ lãi trong hạn: 9.684.693đ, lãi quá hạn: 181.273đ.
- Khoản nợ thấu chi: 60.469.396 đồng.

Buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải thanh toán số tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/5/2022 đến khi thanh toán khoản nợ này.

- Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Xét hợp đồng thế chấp xe ô tô được ký kết là hoàn toàn tự nguyện. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2019, số đơn 1346874425, đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Xét Hợp đồng này là hợp pháp, trong trường hợp ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp tài sản thế chấp đã được xử lý nhưng không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà Trâm A phải có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản nợ còn lại cho đến khi hết nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

[6] Về án phí: ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải nộp toàn bộ án phí là: 299.558.069 đồng x 5% = 14.978.000đ

Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền 8.243.000đ theo biên lai số 0000683 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 19 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A.

Buộc ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là ngày 26/5/2022 là 299.558.069đ theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi

số 1308/2019/HDTD ngày 05/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 27/5/2022 cho đến khi ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 2701/2019/HDTD/DNG/01 ngày 24/10/2019, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1308/2019/HDTD ngày 05/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A.

Trường hợp ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, màu trắng, số khung: RNYAB41M5KC167323, số máy: G4CK1099337, BKS số: 43A-500.11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 083058 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho Trần Ngọc T ngày 21/10/2019. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/10/2019, số đơn 1346874425, đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng T.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí: ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Trâm A phải nộp toàn bộ án phí là: 299.558.069 đồng x 5% = 14.978.000đ

Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền 8.243.000đ theo biên lai số 0000683 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu vạ, hồ sơ.

Nguyễn Đình Tú